

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày 14/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Lê Thu - Nguyên Phó Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Nguyễn T Tịnh - Cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Doãn Đại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/HSST-QĐ ngày 16/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn H; sinh ngày 14/12/2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 15/102/12 đường H, Phường 3, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 25 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Phạm Thị Mỹ H (chết); tiền án: Không có, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/12/2020 đến ngày 23/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt;

2. Lữ Hoài T; sinh ngày 29/6/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 15/104/19 đường H, Phường 3, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Tam L và bà Trần Thị T tiền án: Không có, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/12/2020 đến ngày 23/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt;

3. Trần Phước N; sinh ngày 26/9/2003 tại Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: Ấp

Tân Tiến, xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: 86/132 đường Ô, Phường 14, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/12/2020 đến ngày 23/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1989; địa chỉ: 151/1/10 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Văn H*: Ông Đặng Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: 25 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - là cha ruột của bị cáo; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn H*: Bà Trần Đồng Minh N Kim Khánh là Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lữ Hoài T*: Ông Võ Tấn Tân là Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt nhưng có gửi Bản bào chữa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Phước N*: Bà Bùi Thị Công Nương là Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 16/12/2020, Đặng Văn H, sinh ngày 14/12/2006, điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 94F4-1236 đến nhà bạn là Lữ Hoài T sinh ngày 29/6/2003 tại số 15/104/19 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11 rủ T đi uống nước thì T đồng ý. H chở T đi uống nước tại quán cà phê trong Chung cư 312 đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11. Tại đây, H và T gặp bạn là Trần Phước N sinh ngày 26/9/2003 và cháu của N đang ngồi uống nước nên H và T ngồi uống nước chung. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi H và T đi vệ sinh thì H rủ T đi chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Do xe của H máy yếu nên khi quay lại bàn uống nước H hỏi mượn xe mô tô hiệu Suzuki Hayate, biển số 54N3-8315 của N để đi chiếm đoạt tài sản và hứa chia tiền cho N thì N đồng ý cho mượn. Sau đó, H điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Hayate chở T ngồi phía sau và giao xe máy hiệu Wave cho N điều khiển chở cháu của N. H và T lưu thông trên nhiều tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Thấy H và T đi thì N điều khiển xe Wave chạy theo nhưng H không cho đi theo. H chở T qua nhiều tuyến đường, khi đến dưới chân Cầu Mé, Phường 3, Quận 11 thì H phát hiện bà Phạm Thị Thu H đang điều khiển xe đạp điện chở bà Nguyễn Thị Minh T ngồi phía sau lưu thông cùng chiều, trên tay bà T đang cầm điện thoại di động Iphone 7 sử dụng. H chỉ cho T biết để giật. Khi đến trước số 15/106 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, H điều khiển xe mô tô áp sát bên trái bà T rồi H dùng tay phải giật điện thoại di động của bà T đang sử dụng. Giật được điện thoại, H liền đưa cho T giữ để H tăng ga xe nhằm tẩu thoát. Bị giật điện thoại, bà T âm thầm hô "Cướp, cướp" và chạy đuổi theo. Khi đến trước số 161D/104/72 Lạc

Long Quân, Phường 3, Quận 11 thì H bị mất lái nên bị ngã xe, H và T bỏ lại xe chạy bộ tẩu thoát. Khi đến bên hông nhà số 106I/86/17 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11 thì T giao lại điện thoại vừa giật được cho H rồi cả hai đi về nhà. Bà T cùng người dân giữ lại xe Suzuki Hayate, biển số: 54N3-8315 báo Công an Phường 3 Quận 11 đến giải quyết.

Qua truy xét, xác định xe mô tô hiệu Suzuki Hayate, biển số: 54N3-8315, số khung: RLSCF4EE090144961, số máy: F4A5151440 do ông Hoàng T Bình đứng tên giúp cho bà Nguyễn Thị L. Bà L cho biết xe trên cho con ruột là Trần Phước N mượn để sử dụng.

Đến ngày 17/12/2020, Công an Quận 11 mời N đến Cơ quan điều tra Công an Quận 11 để làm việc. Tại Cơ quan điều tra N khai nhận cho bạn là Đặng Văn H mượn xe chở Lữ Hoài T đi cướp giật tài sản.

Cơ quan điều tra tiến hành cho N nhận dạng xác định được Đặng Văn H là người mượn xe mô tô Suzuki Hayate, biển số: 54N3-8315 của N để đi chiếm đoạt tài sản.

H nhận dạng được T là người cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, H nhận dạng được N là người cho mượn xe mô tô Suzuki Hayate, biển số: 54N3-8315 làm phương tiện để thực hiện hành vi chiếm đoạt cướp giật tài sản.

T nhận dạng được H là người cùng T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và N là người cho H mượn xe chở T đi cướp giật.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của H tại địa chỉ số 25 L, phường T, quận T thu giữ: 01 áo thun tay ngắn màu trắng, 01 quần short màu đen, 01 nón bảo hiểm màu vàng là trang phục H mặc khi đi chiếm đoạt tài sản và 01 điện thoại Iphone 7 mà bị cáo chiếm đoạt của bà T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại địa chỉ số 15/104/7 H, Phường 3, Quận E thu giữ: 01 áo thun màu đen, 01 quần short kaki màu đen là trang phục T mặc khi đi chiếm đoạt tài sản.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Phước N tại địa chỉ số 86/132 Ô, Phường 14, Quận E thu giữ: 01 áo thun màu đen là trang phục N mặc khi gặp H và T.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 11, các bị cáo H, T, N thừa nhận hành vi Cướp giật tài sản nêu trên.

Ngoài ra, Đặng Văn H và Lữ Hoài T còn khai nhận: Vào buổi trưa khoảng ngày 13,14 tháng 12 năm 2020, H mượn xe mô tô biển số 54N3-8315 của Trần Phước N để đi mua đồ. H điều khiển xe chở T đi khi đi ngang qua cây xăng Tài Lộc Thịnh 1 địa chỉ số 277 đường Âu Cơ, Phường 5, Quận 11, H phát hiện một người phụ nữ sử dụng điện thoại trên lề đường nên chỉ cho T thấy và rủ T giật điện thoại thì T đồng ý. H áp sát xe vào người phụ nữ để T dùng tay phải giật điện thoại nhưng không giật được. H và T không xác định được thời gian thực hiện việc cướp giật và đặc điểm nhận dạng của người phụ nữ này. Cơ quan điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành xác minh tại Công an Phường 5 Quận 11 nhưng không có ai đến trình báo việc bị giật điện thoại. Do vậy, ngoài lời khai nhận của H và T không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi phạm tội của H và T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 không có cơ sở xử lý hình sự đối với H, T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành trưng cầu định giá tài sản bị chiếm đoạt. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KLĐGTS ngày 25/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 11 kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 7 đã qua sử dụng có giá trị là 3.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKSQ11 ngày 10 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị cáo Đặng Văn H, Lữ Hoài T và Trần Phước N tội danh “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn H từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; Lữ Hoài T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù; Trần Phước N từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách; đồng thời đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại bị gãy đôi, 01 áo thun tay ngắn màu trắng, 01 quần short màu đen, 01 nón bảo hiểm màu vàng đen, 01 áo thun màu đen, 01 quần short kaki màu đen, 01 áo thun màu đen; trả lại bị cáo H: 01 điện thoại di động Samsung Duos.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ mất lúc bị cáo còn nhỏ, cha bị cáo phải đi làm nên ít có thời gian chăm sóc cho bị cáo, khi phạm tội bị cáo mới có 14 tuổi 02 ngày... Mong Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình cho bị cáo vì tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; đồng thời không áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” vì bị cáo H là người nhỏ tuổi nhất nên phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh nhận thức của bị cáo.... Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” vì tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo N có vai trò giúp sức, mờ nhạt, bị cáo không hiểu hết mức độ nguy hiểm của hành vi của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo N hưởng mức án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày tại Bài bào chữa như sau: Thống nhất với tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo Lữ Hoài T mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã nêu. Ông nêu một số tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T như sau: Bị cáo T đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn còn thấp, bị cáo T phạm tội trong độ tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi. Từ tất cả những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo được sớm trở lại hòa nhập cộng đồng và cống hiến cho xã hội, vì môi trường

trong tại giam hoàn toàn không phải môi trường tốt nhất và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự nhận thức, khả năng phát triển sau này của bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Người bào chữa cho bị cáo H và bị cáo N đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” là không có cơ sở. Vì đây là tội rất nghiêm trọng nên ngoài việc gây thiệt hại về tài sản, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến người đi đường, trật tự trị an xã hội. Đối với tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đối với bị cáo H thì luật không quy định người đó phải trên 18 tuổi. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trên đối với bị cáo H là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc đề nghị cho các bị cáo H, T được hưởng án treo thì nhận thấy cả hai bị cáo đã không có sự quản lý giáo dục từ gia đình, các bị cáo cũng khai nhận nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật nên cần phải có biện pháp nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 22 giờ 10 phút ngày 16/12/2020, tại trước số 15/106 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, bị cáo Đặng Văn H trực tiếp điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Hayate biển số 54N3-8315 mượn của Trần Phước N chở Lữ Hoài T chạy áp sát bên trái xe của bà Nguyễn Thị Minh T, bị cáo H dùng tay phải nhanh chóng, bất ngờ giật điện thoại di động hiệu Iphone 7 trị giá 3.000.000 đồng của bà Tâm rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Các bị cáo bằng thủ đoạn công khai, nhanh chóng, bất ngờ chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, theo quy định của pháp luật thì hành vi dùng mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, lười lao động bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo dùng phương tiện mô tô, xe máy cướp giật tài sản của người đi đường không chỉ làm mất an ninh, trật tự công cộng, gây thiệt hại về tài sản mà còn có thể gây ra tai nạn cho bị hại, những người tham gia giao thông. Các bị cáo cùng nhau thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nên mang tính đồng phạm nhưng giản đơn. Trong đó bị cáo H là người chủ mưu, trực tiếp mượn xe của bị cáo N, rủ rê bị cáo T cùng thực hiện và cũng chính là người trực tiếp điều khiển phương tiện và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; bị cáo T là đồng phạm giúp sức tích cực, cùng tham gia với bị cáo H cướp giật tài sản; bị cáo N là đồng phạm với vai trò giúp sức, bị cáo N đã cho các bị cáo H, T mượn xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo lần đầu phạm tội nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, không có ai có yêu cầu phải bồi thường trách nhiệm dân sự hay tổn thất tinh thần. Thiệt hại có xảy ra nhưng không lớn nên người bào chữa đề nghị cho các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội, luật không quy định người xúi giục phải là người thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Người bào chữa cho rằng bị cáo H là người dưới 18 tuổi, là người nhỏ tuổi nhất trong số các bị cáo nên không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng chế tài đối với người chưa thành niên phạm tội. Trong đó, bị cáo H phạm tội khi mới 14 tuổi 02 ngày nên áp dụng khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để lượng hình cho bị cáo; các bị cáo T, N khi phạm tội đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để lượng hình cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo H, T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo N tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo đã cho các bị cáo khác mượn xe làm phương tiện phạm tội, bị cáo không tham gia cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội; khi phạm tội còn ở tuổi vị thành niên, phạm tội do nhất thời bột phát, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo N được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, và giáo dục bị cáo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 điện thoại di động Iphone 7 là tài sản của bà Nguyễn Thị Minh T, Cơ quan Cảnh sát điều Tra Công an Quận 11 đã trả lại cho bà T;

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hayate, biển số: 54N3-8315, số khung: RLSCF4EE090144961, số máy: F4A5151440. Qua xác minh là xe của bà Nguyễn Thị L, là mẹ của bị cáo N. Việc N cho H mượn xe chở T đi cướp giật tài sản bà L không biết. Cơ quan điều tra Công an Quận 11 ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà L;

- 01 điện thoại di động Samsung Duos, bị bể màn hình là tài sản cá nhân của bị cáo H, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo H;

- 01 sim điện thoại bị gãy đôi là sim điện thoại của bà T. Qua làm việc bà T không yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 áo thun tay ngắn màu trắng, 01 quần short màu đen, 01 nón bảo hiểm màu vàng đen là trang phục bị cáo H mặc khi cướp giật tài sản, bị cáo không có yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 áo thun màu đen, 01 quần short kaki màu đen là trang phục bị cáo T mặc khi cướp giật tài sản, bị cáo không yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 áo thun màu đen là trang phục bị cáo N mặc khi cướp giật tài sản, bị cáo không yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 USB chứa dữ liệu liên quan đến vụ cướp giật tài sản đã lưu vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Minh T đã nhận lại điện thoại và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 17; Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đặng Văn H;

Căn cứ vào Điều 17; Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lữ Hoài T;

Căn cứ vào Điều 17; Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Phước N.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn H, Lữ Hoài T và Trần Phước N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến ngày 23/12/2020.

Xử phạt bị cáo Lữ Hoài T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 đến ngày 23/12/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Phước N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án 14/10/2021.

Giao bị cáo Trần Phước N cho Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu và tiêu hủy: 01 sim điện thoại bị gãy đôi; 01 áo thun tay ngắn màu trắng; 01 quần short màu đen; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen; 01 áo thun màu đen; 01 quần short kaki màu đen; 01 áo thun màu đen;

Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động Samsung Duos, bị bể màn hình;

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 18/LNK-ĐCSHS ngày 01/02/2021).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11; Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- UBND P.14 Q11 TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh Loan